

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 31-5-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hằng**.

Thẩm phán: Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Lý Ngọc Lan** - Cán bộ hưu trí.

Bà **Nguyễn Thu Thủy** - Giáo viên hưu trí.

Ông **Nguyễn Đắc Thắng** - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Vân** – Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Hải Phương** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo đối với các bị cáo:

1. Lê Minh D, sinh năm 1999, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Số 42/6 N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông Lê Minh L2 và bà Phạm Thị Kim N4; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 24-01-2017, chuyển tạm giam ngày 31-01-2017 cho đến nay.

2. Dương Ngọc P, sinh năm 1999, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Số 51/1 N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Cha: Dương Văn Tt; Mẹ: Nguyễn Thị Thu H4; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 24-01-2017, chuyển tạm giam ngày 31-01-2017 cho đến nay.

3. Thái Hoàng Minh H, sinh ngày 10-10-2001, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Số 71/9 N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Ngư

phủ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 24-01-2017, chuyển tạm giam ngày 31-01-2017 cho đến nay.

4. Lê Văn D1, sinh ngày 14-12-2000, tại Tiền Giang. Nơi cư trú: Số 71/9A N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Cha: Lê Văn B; Mẹ: Thái Thị Phương N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 24-01-2017, chuyển tạm giam ngày 31-01-2017 cho đến nay.

5. Phạm Văn H1, sinh năm 1998, tại Tiền Giang. Nơi cư trú: Số 99/3 A, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Cha: Nguyễn Văn X; Mẹ: Phạm Thị Ngọc Y; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không, tiền sự: 03 lần, chưa thi hành:

+ Ngày 08-01-2016 bị Công an Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 24-4-2016 bị Công an Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cất giấu trong người các loại dao nhằm mục đích gây thương tích cho người khác.

+ Ngày 09-10-2016 bị Công an Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 24-01-2017, chuyển tạm giam ngày 31-01-2017 cho đến nay.

6. Ngô Hoàng K, sinh năm 1994, tại: tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: 38/1 N, phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Cha: Ngô Huy Y2; Mẹ: Cao Thị Tuyết O; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 24-01-2017, chuyển tạm giam ngày 31-01-2017 cho đến nay.

7. Nguyễn Thanh Vũ A, sinh năm 1994, tại: tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: 143/7 B, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Cha: Nguyễn Thanh T3; Mẹ: Nguyễn Quốc T4; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Năm 2011, bị TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 14-01-2014.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-3-2017 cho đến nay.

8. Nguyễn Duy K, sinh năm 1997, tại: tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: 52/4 N, phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Cha: Nguyễn Trường S2; Mẹ: Võ Tuyết F; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15-3-2017 cho đến nay.

Tất cả các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh D và bị cáo Thái Hoàng Minh H:* Luật sư **Bùi Lưu L**, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc P và bị cáo Lê Văn D1:* Luật sư **Nguyễn Văn V**, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Hoàng K:* Luật sư **Nguyễn Văn T1**, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Đại diện hợp pháp bị cáo Thái Hoàng Minh H:*

+ Ông **Thái Văn T**, sinh năm 1965 (có mặt);

+ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: 71/9 N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện hợp pháp bị cáo Lê Văn D1:*

+ Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1957 (có mặt);

+ Bà **Thái Thị Phương N**, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: 71/9A N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị hại:**

1. Anh **Nguyễn Lữ Tiến P**, sinh năm 1982 (đã chết).

Đại diện hợp pháp bị hại:

+ Bà **Lữ Thị H2**, sinh năm 1950 – Mẹ ruột bị hại (có mặt);

+ Chị **Nguyễn Thị Kiều S**, sinh năm 1987 – Vợ của bị hại (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 37/8A P, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **Hoàng Thiện M**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 159 P, Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh **Nguyễn Phước Q**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Nơi cư trú: 225B L, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh **Lê Thành E**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 217 L, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Võ Tuyết F**, sinh năm 1956 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 52/4 N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Thái Thị Phương N**, sinh năm 1966 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 71/9A N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1966 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 71/9 N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị **Nguyễn Cẩm T2**, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 52/4A N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông **Ngô Quang G**, sinh năm 1956 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 45/2 N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6. Anh **Nguyễn Thanh Duy K2**, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Đại diện hợp pháp của anh K2:

+ Ông **Nguyễn Thanh T3**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

+ Bà **Nguyễn Quốc T4**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Số 143/7 B, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

7. Anh **Ngô Minh S1**, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Đại diện hợp pháp của anh S1, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Ngô Minh P2**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Số 112 T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

8. Chị **Trần Thị Cẩm G1**, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 328 Xóm V, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Anh **Lý Anh T5**, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 62/5A T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10. Bà **Nguyễn Quốc T4**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 143/7 B, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1. Anh **Huỳnh Vĩnh L1**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 207 L, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **Huỳnh Quang H6**, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 20C/3 V3, Phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh **Mai Đức T6**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh **Lê Văn Hữu G1**, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 112/2 D4, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Anh **Nguyễn Hoàng Hải N1**, sinh năm 1994 (có mặt);

Nơi cư trú Số 55/5 N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6. Anh **Nguyễn Thanh P2**, sinh năm 1998 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 87/5 T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

7. Anh **Lê Hoàng Anh G4**, sinh ngày 22/8/2000 (có mặt).

Đại diện hợp pháp của G4 là chị Nguyễn Thị Ngọc Út (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 10/9 Học Lạc, khu phố 3, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

8. Anh **Hồ Minh E1**, sinh năm 1995 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 68/3 T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

9. Anh **Phan Hữu N3**, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 270D Xóm D, Phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10. Anh **Mai Hoàng V2**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 606 ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

11. Anh **Nguyễn Văn Q1**, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 55/3 T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa hai nhóm thanh niên Phường 2 và Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, trong đó nhóm thanh niên Phường 7 (không rõ họ tên, địa chỉ) nhiều lần kéo sang tìm nhóm thanh niên Phường 2 gây sự đâm, chém người, nếu không gặp thì nhóm thanh niên Phường 7 đập phá quán cà phê “Y” của chị Lê Thị Thu Y và quán giải khát “X” của anh Võ Đăng N5 mà nhóm Phường 2 thường uống cà phê tại hai quán nói trên và đập phá nhà của Phạm Văn H1. Bên cạnh đó, nhóm Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã chém chết Võ Văn Chí M1, sinh năm 1995, cư trú 94/7 D4, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, là thanh niên thuộc nhóm Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ngoài các mâu thuẫn nêu trên, thì Nguyễn Thanh Vũ A còn khai nhận nhóm Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã chém 02 người em ruột của A là Nguyễn Thanh Thế M2 và Nguyễn Thanh Duy K2 gây thương tích.

Để giải quyết mâu thuẫn với nhóm Phường 7 nói trên, khoảng 17 giờ ngày 23-01-2017 Lê Minh D điện thoại rủ Phạm Văn H1, Dương Ngọc P, Thái Hoàng Minh H, Nguyễn Duy K, Nguyễn Thanh Vũ A. Sau đó, H1 rủ thêm Lê Hoàng Anh G4, G4 rủ Ngô Hoàng K đi chung, riêng Hồ Minh E1, Nguyễn Hoàng Hải N1 và Nguyễn Thanh P2 thấy đồng phạm tụ tập nên cùng tham gia. Nhóm Phường 2 tập trung tại phần đất bỏ hoang “Chín R” thuộc quyền sử dụng của anh Lê Văn Hữu G1, sinh năm 1955, cư trú số 112/2 D4, Phường 2, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Tại đây D và đồng phạm bàn bạc rủ nhau đi chém người và đập phá máy bắn cá của nhóm Phường 7 thì cả nhóm đồng ý. Ngay sau đó D và

đồng phạm chuẩn bị công cụ phương tiện gồm: 06 dao tự chế sắc bén, 07 cái búa nhãn hiệu STS của D mà nhóm cất giấu trước đó tại khu đất “Chín R”, 10 chai nước ngọt hiệu pepsi do D trực tiếp mua của Võ Thị Tuyết F, sinh năm 1956, cư trú số 52/4 Nguyễn Huỳnh D, Phường 2, thành phố M, Tiền Giang và 06 xe mô tô, để tránh sự phát hiện của người khác nhóm của D sử dụng băng keo màu tối dán che kín biển số xe mô tô, tất cả đều đeo khẩu trang che mặt.

Khoảng 18 giờ ngày 23-01-2017 thì cả nhóm cùng xuất phát đi chém người và đập phá tài sản của nhóm thanh niên Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Khi đi, D và đồng phạm sử dụng phương tiện và hung khí như sau:

- Thái Hoàng Minh H điều khiển xe mô tô biển số 63B9-496.10 chở Lê Minh D phía sau. D sử dụng 01 dao tự chế bằng kim loại dài 113cm, mũi nhọn, lưỡi dài 24,5cm, nơi rộng nhất 06cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo trắng để cặp bên hông phải xe; 01 búa loại búa một mặt lưỡi, cán bằng gỗ, phần lưỡi sơn màu đỏ, có ký hiệu STS để trên yên xe D, H cùng ngồi lên và 01 chai nước ngọt nhãn hiệu pepsi loại chai thủy tinh D cầm trên tay trái.

- Lê Văn D1 điều khiển xe mô tô biển số 63B9-709.33 loại xe hiệu Luviat màu trắng chở Dương Ngọc P phía sau. P sử dụng 01 dao tự chế bằng kim loại dài 73,5cm, mũi nhọn, lưỡi dài 41,5cm, nơi rộng nhất 4,5cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo vải màu trắng để cặp bên hông trái xe; 01 búa loại búa một mặt lưỡi, cán bằng gỗ, phần lưỡi sơn màu đỏ, có ký hiệu STS để trên ba ga xe và 01 chai nước ngọt nhãn hiệu pepsi loại chai thủy tinh P cầm trên tay trái.

- Ngô Hoàng K điều khiển xe mô tô biển số 63B7-146.26 chở Phạm Văn H1 phía sau. H1 sử dụng 01 dao tự chế bằng kim loại dài 56cm, mũi nhọn, lưỡi dài 34cm, nơi rộng nhất 3,5cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo vải màu trắng để cặp bên hông phải xe; 01 loại búa một mặt lưỡi, cán bằng gỗ, phần lưỡi sơn màu đỏ, có ký hiệu STS giấu trong người và 01 chai nước ngọt nhãn hiệu pepsi loại chai thủy tinh H1 để trong túi áo khoác.

- Nguyễn Duy K điều khiển xe mô tô hiệu Luviat màu xanh đen, biển số 63B9-736.50 chở Nguyễn Thanh Vũ A phía sau. H1 sử dụng 01 dao tự chế bằng kim loại dài 93cm, mũi nhọn, lưỡi dài 24cm, nơi rộng nhất 6,5cm, cán tròn dài 69cm bên ngoài cán có quấn băng keo thun màu đen, đường kính phần cán 03cm để cặp hông phải xe; 01 loại búa một mặt lưỡi, cán bằng gỗ, phần lưỡi sơn màu đỏ, có ký hiệu STS để dưới yên xe A và K cùng ngồi lên; 01 chai nước ngọt nhãn hiệu pepsi loại chai thủy tinh để trên ba ga xe.

- Hồ Minh E1 điều khiển xe mô tô biển số 52T5-9930 chở Lê Hoàng Anh G4 phía sau. G4 sử dụng 01 dao tự chế bằng kim loại dài 78cm, mũi nhọn, lưỡi dài 27,5cm, nơi rộng nhất 6,5cm, cán tròn đường kính 3,3cm bên ngoài cán có quấn thun cầm trên tay phải.

- Nguyễn Thanh P2 điều khiển xe mô tô hiệu Luviat màu đỏ, biển số 63B9-617.32 chở Nguyễn Hoàng Hải N1 phía sau. N1 sử dụng 01 dao tự chế dài khoảng 80cm, cán dao dài khoảng 30cm được quấn băng keo màu trắng, lưỡi

dao dài khoảng 50cm cầm trên tay phải và 01 chai nước ngọt nhãn hiệu pepsi loại chai thủy tinh N1cầm trên tay trái.

Hành trình xuất phát đi từ khu đất “Chín R” ra đường D4 - Nguyễn Văn M - Học M2 - Thái Sanh M3 - Trần Nguyên H7 - rẽ trái Quốc Lộ 50 - đến ngã 3 đầu đường V3 dừng xe tại tiệm game bắn cá tại địa chỉ số 929, ấp Long Hòa A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Hoàng Thiện M, sinh năm 1986, cư trú số 159 P, Phường 7, thành phố M, Tiền Giang đứng tên đăng ký kinh doanh. Lúc này khoảng 18 giờ 15 phút thì D, P, A, H1 và N1 xuống xe, trên tay cầm dao tự chế chạy vào và ném chai nước ngọt vào tiệm game bắn cá, mọi người trong quán bỏ chạy, chỉ còn Nguyễn Lữ Tiến P (P ma da), sinh năm 1982, cư trú số 37/8A P, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đang ngồi chơi game. Lê Minh D dùng dao tự chế bằng kim loại dài 113cm, mũi nhọn, lưỡi dài 24,5cm, nơi rộng nhất 06cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo trắng, chém vào vùng đỉnh cằm phải KT(8,5x2)cm, ngay sau đó D tiếp tục dùng dao chém vào đầu P 01 nhát nữa P dùng tay trái đưa lên đỡ nên nhát dao gây thương tích ở bàn tay trái làm đứt lìa đốt bàn 1 ngón cái, rách da mặt hông lưng ngón 2 đốt II, KT(2,5x01)cm và làm rách da vùng trán thái dương phải KT(10x02)cm làm P ngã xuống đất, D tiếp tục dùng dao chém 02 nhát nữa trúng vào đầu gối bên phải KT(19x03)cm và trúng vào cạnh ngoài đốt bàn 5 chân phải KT(3,5x0,5)cm. Dương Ngọc P sử dụng dao tự chế bằng kim loại dài 73,5cm, mũi nhọn, lưỡi dài 41,5cm, nơi rộng nhất 4,5cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo vải màu trắng chém vào tay phải của P 01 nhát làm đứt lìa 1/3 giữa cẳng tay phải, đứt toàn bộ gân cơ xương, KT(20x14)cm. Cùng lúc đó Nguyễn Thanh Vũ A sử dụng dao tự chế bằng kim loại dài 93cm, mũi nhọn, lưỡi dài 24cm, nơi rộng nhất 6,5cm, cán tròn dài 69cm bên ngoài cán có quấn băng keo thun màu đen, đường kính phần cán 03 cm đập, chém 02 máy game bắn cá làm hư hỏng toàn bộ, lúc này P giẫm đạp mảnh kính vỡ cắt rách da chân trái gây chảy máu nên cả nhóm quay trở ra lên xe đồng phạm đang chờ phía trước cùng bỏ đi. Đối với anh Nguyễn Lữ Tiến P sau khi bị chém được người dân xung quanh đưa đi cấp cứu và chết trước khi vào bệnh viện.

Sau khi chém người và đập 02 máy game bắn cá địa chỉ số 929, ấp Long Hòa A, xã Đạo Thạnh, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, D cùng đồng phạm tiếp tục điều khiển xe mô tô đến tiệm game bắn cá “Phước Lộc Thọ” tọa lạc tại ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, thành phố M, Tiền Giang do anh Nguyễn Phước Q, sinh năm 1979, cư trú số 225B L, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì cả nhóm dừng xe lại, thời điểm này khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, trong tiệm game có anh Lê Thành E, sinh 1986, cư trú số 217 L, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đang ngồi trông coi tiệm game thì H1, P, A, D, Ngọc xuống xe cầm dao chạy vào tiệm game. Phạm Văn H1 dùng dao tự chế bằng kim loại dài 56cm, mũi nhọn, lưỡi dài 34cm, nơi rộng nhất 3,5cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo vải màu trắng chém một nhát gây thương tích ở vùng đầu đỉnh phải KT(13x0,3)cm và tiếp tục chém nhát nữa trúng vào hông lưng phải đường nách sau KT(04x0,3)cm của anh Lê Thành E. Riêng A dùng dao tự chế đập, chém 02 máy game bắn cá làm hư hỏng toàn bộ. Sau khi bị H1

chém, anh Lê Thành E chạy thoát ra ngoài và được nhân dân đưa đến bệnh viện đa khoa Trung tâm Tiền Giang cấp cứu, điều trị đến ngày 25/01/2017 ra viện.

Sau khi gây án, nhóm của D về cất giấu hung khí tại khu đất tái định cư thuộc khu phố 6, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (thuộc quyền quản lý của Quỹ quản lý nhà đất thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- **06** dao tự chế có đặc điểm:

+ Một dao tự chế bằng kim loại dài 93cm, mũi nhọn, lưỡi dài 24cm, nơi rộng nhất 6,5cm, cán tròn dài 69cm bên ngoài cán có quấn băng keo thun màu đen, đường kính phần cán 03cm.

+ Một dao tự chế bằng kim loại dài 108cm, mũi nhọn, lưỡi dài 45cm, nơi rộng nhất 04cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo cải màu trắng.

+ Một dao tự chế bằng kim loại dài 56cm, mũi nhọn, lưỡi dài 34cm, nơi rộng nhất 3,5cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo vải màu trắng.

+ Một dao tự chế bằng kim loại dài 113cm, mũi nhọn, lưỡi dài 24,5cm, nơi rộng nhất 06cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo trắng.

+ Một dao tự chế bằng kim loại dài 78cm, mũi nhọn, lưỡi dài 27,5cm, nơi rộng nhất 6,5cm, cán tròn đường kính 3,3cm bên ngoài cán có quấn thun.

+ Một dao tự chế bằng kim loại dài 73,5cm, mũi nhọn, lưỡi dài 41,5cm, nơi rộng nhất 4,5cm, cán tròn đường kính 03cm bên ngoài cán có quấn băng keo vải màu trắng.

- 07 cái búa, loại búa một mặt lưỡi, cán bằng gỗ, phần lưỡi sơn màu đỏ, có ký hiệu STS.

- **06** xe mô tô là phương tiện gây án:

+ Một xe mô tô hiệu Luviat màu xanh đen, biển số 63B9-736.50 do Nguyễn Thanh Duy K2, sinh năm 2000, cư trú số 143/7 B, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ Một xe mô tô hiệu Luviat màu đỏ, biển số 63B9-617.32 do Ngô Minh Phụng, sinh năm 1972, cư trú số 112 T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ Một xe mô tô hiệu Luviat màu trắng biển số: 63B9-709.33 do Lê Văn D1, sinh năm 2000, cư trú số 71/9A N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ Một xe mô tô biển số 63B9-496.10 do Trần Thị Cẩm G1, sinh năm 1995, cư trú số 328 X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ Một xe mô tô biển số 63B7-146.26 do Lý Anh T5, sinh năm 1977, cư trú ấp số 62/5A T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ Một xe mô tô biển số 52T5 -9930 do Lê Hoàng Anh G4, sinh năm 2000, cư trú số 10/9 H, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đang sử dụng, không có giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 38/2017/TgT ngày 23-01-2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang, kết luận nguyên nhân chết của Nguyễn Lữ Tiến P là do đa chấn thương, sốc mất máu cấp do đứt toàn bộ động mạch cánh tay phải, vết thương sọ não hở, xuất huyết não, dập não bán cầu đại não phải.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 86/2017/TgT ngày 28-02-2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Thành E là 10%.

- Kết luận xác định giá trị tài sản trong tố tụng hình số 242/STC-VGCS ngày 26-01-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tiền Giang, kết luận: Màn hình 02 máy game bắn cá tại số 929, ấp Long Hòa A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do anh Hoàng Thiện M, sinh năm 1986, cư trú số 159 P, Phường 7, thành phố M, Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng giá trị thiệt hại là 20.817.000 đồng.

- Kết luận xác định giá trị tài sản trong tố tụng hình số 241/STC-VGCS ngày 26-01-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tiền Giang, kết luận: Màn hình 02 máy bắn cá tại ấp M, xã M7, thành phố M, Tiền Giang do anh Nguyễn Phước Q, sinh năm 1979, cư trú số 225B L, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là chủ sở hữu, tổng giá trị thiệt hại là 20.137.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang đã trả lại xe mô tô biển số 63B9-736.50 và 63B9-617.32 cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Thanh Duy K2 và Ngô Minh P2.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đại diện hợp pháp của Nguyễn Lữ Tiến P yêu cầu các bị cáo bồi thường 678.500.000 đồng, gồm: chi phí mai táng 86.500.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 120.000.000 đồng; cấp dưỡng nuôi 02 con của anh P là cháu Nguyễn Lữ Phương X3, sinh ngày 07-4-2006 và cháu Nguyễn Tiến X2, sinh ngày 21-10-2012 là 452.000.000 đồng; cấp dưỡng nuôi cha, mẹ của anh P là 20.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Thái Hoàng Minh H đã tự nguyện bồi thường 10.000.000 đồng, gia đình bị cáo Lê Văn D1 đã tự nguyện bồi thường 5.000.000 đồng.

- Anh Lê Thành E yêu cầu bồi thường 5.440.000 đồng. Gia đình bị cáo Ngô Hoàng K đã tự nguyện bồi thường 2.400.000 đồng.

- Anh Hoàng Thiện M yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 20.137.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh Vũ A đã tự nguyện bồi thường

12.300.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Duy K đã tự nguyện bồi thường 5.000.000 đồng. Hiện anh Hoàng Thiện M đã nhận số tiền 17.300.000 đồng.

- Anh Nguyễn Phước Quý yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 36.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Duy K đã tự nguyện bồi thường 5.000.000 đồng.

* Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSTG-P2 ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố các bị cáo:

- Lê Minh D, Dương Ngọc P và Lê Văn D1 về các tội: “Giết người”; “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Thái Hoàng Minh H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Phạm Văn H1 và Ngô Hoàng K về các tội: “Cố ý gây thương tích”, “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nguyễn Thanh Vũ A và Nguyễn Duy K về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận do có sự mâu thuẫn giữa hai nhóm thanh niên phường 2 và phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Để giải quyết mâu thuẫn nói trên, nên các bị cáo đã rủ nhau đi chém người và đập phá tài sản là máy bắn cá của nhóm phường 7, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với cáo trạng

* Tại phiên Tòa, người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Lữ Tiến P (chết), bà Lữ Thị H2 (mẹ ruột bị hại) và vợ bị hại là chị Nguyễn Thị Kiều S có mặt tham dự phiên Tòa đặt ra yêu cầu về phần bồi thường thiệt hại cụ thể :

* Bà Lữ Thị H2 yêu cầu các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 (cha mẹ bị cáo D1) Thái Hoàng Minh H (cha mẹ bị cáo H) có nghĩa vụ bồi thường cho bà các khoản sau:

+ Tiền mai táng 86.500.000 đồng;

+ Tiền tổn thất tinh thần 120.000.000 đồng;

+ Tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3, sinh ngày 07-4-2006 là con ruột bị hại, sau khi bị hại chết, hiện nay bà là người đang trực tiếp nuôi cháu X3, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nào cháu X3 tròn 18 tuổi.

+ Tiền cấp dưỡng nuôi vợ chồng bà là 20.000.000 đồng.

* Chị Nguyễn Thị Kiều S chỉ yêu cầu các bị cáo cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 (cha mẹ bị cáo D1) Thái Hoàng Minh H (cha mẹ bị cáo H) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2, sinh ngày 21-10-2012, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nào cháu Dững tròn 18 tuổi, ngoài ra chi không yêu cầu gì nữa.

* Tại phiên tòa các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 (cha mẹ bị cáo D1) Thái Hoàng Minh H (cha mẹ bị cáo H) tự nguyện đồng ý bồi thường tất cả các khoản tiền nói trên cho phía người đại diện của bị hại phương (chết), tuy nhiên hiện nay kinh tế khó khăn nên chưa có tiền để bồi thường cho bị hại.

* Tại phiên tòa, phía bị hại Lê Thành E, Hoàng Thiện M, Nguyễn Phước Q, tất cả vắng mặt không tham dự phiên tòa, sự vắng mặt của các bị hại này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 BLTTHS năm 2015, Tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại này.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến luận tội và đề nghị: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

1. Bị cáo Lê Minh D phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Bị cáo Dương Ngọc P phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

3. Bị cáo Lê Văn D1 phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

4. Bị cáo Thái Hoàng Minh H phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

5. Bị cáo Phạm Văn H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

6. Bị cáo Ngô Hoàng K phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội

“Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

7. Bị cáo Nguyễn Vũ Thanh A phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

8. Bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- **Mức án:**

* Đối với bị cáo D:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 18 (mười tám) năm tù giam về tội “Giết người”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02(hai) năm 03 (ba) tháng tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, bị cáo phải chấp hành chung là 18 (mười tám) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24-01-2017.

* Đối với bị cáo P:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 19 (mười chín) năm đến 20 (hai mươi) năm tù giam về tội “ Giết người”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, bị cáo phải chấp hành chung là từ 21 (hai mươi một) năm đến 22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24-01-2017

* Đối với bị cáo D1;

-Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 14 (mười bốn) năm đến 15 (mười lăm) năm tù giam về tội “Giết người”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06(sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, bị cáo phải chấp hành chung là từ 15 năm 06 tháng đến 17 năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24-01-2017.

* Đối với bị cáo H:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 12 năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24-01-2017

*** Đối với bị cáo H1:**

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, bị cáo phải chấp hành chung là từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng, thời hạn tù tính từ ngày 24-01-2017

*** Đối với bị cáo K:**

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, bị cáo phải chấp hành chung là từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 24-01-2017.

*** Đối với bị cáo A:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 01-3-2017.

*** Đối với bị cáo K:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 15-3-2017

*** Về trách nhiệm Dân sự:**

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Lữ Tiến P (đã chết) yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gồm các khoản sau :

- Tiền chi phí cho việc mai táng là 86.500.000đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần là 120.000.000đồng;

- Tiền cấp dưỡng nuôi 02 con của anh P mỗi cháu là 650.000đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

- Tiền cấp dưỡng nuôi cha mẹ anh P là 20.000.000đồng

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo H và bị cáo D1 tự nguyện đồng ý các khoản bồi thường nói trên, nhưng do hiện nay kinh tế quá khó khăn nên chưa có tiền để bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Buộc bị cáo D, P, H và (ông T, bà C cha mẹ bị cáo H), D1 và (ông B, bà N cha mẹ bị cáo D1) liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Lữ Tiến P tất cả các khoản tiền nói trên khi thi hành án được trừ đi 10.000.000 đồng do ông T và bà C (cha, mẹ bị cáo H) đã nộp, được trừ đi 5.000.000 đồng do ông B và bà N (cha, mẹ bị cáo D1) đã nộp, các bị cáo phải bồi thường ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị hại Lê Thành E không yêu cầu bị cáo H1 và bị cáo K bồi thường thiệt hại nên không xét đến

* Bị hại Hoàng Thiện M không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh Vũ A và bị cáo Nguyễn Duy K bồi thường. Do vậy không xét đến

* Buộc bị cáo A và bị cáo K phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Quý là 20.137.000 đồng, Gia đình bị cáo K đã nộp 5.000.000đồng sẽ được khấu trừ khi thi hành án. Các bị cáo phải bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật.

* **Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 06 dao tự chế và 07 cây búa do đây là vật chứng của vụ án.

- Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 03 xe mô tô, sau đây:

+ Một xe mô tô hiệu Luviat màu trắng biển số: 63B9-709.33 do Lê Văn D1, sinh năm 2000, cư trú số 71/9A N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Đây là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Một xe mô tô biển số 63B9-496.10 do Trần Thị Cẩm G1, sinh năm 1995, cư trú số 328 X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Đây là xe đã mua đi bán lại nhiều lần và lần sau cùng là D mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên và D đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

+ Một xe mô tô biển số 52T5 -9930 do Lê Hoàng Anh G4, sinh năm 2000, cư trú số 10/9 Học Lạc, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đang sử dụng, không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Do xe này là của Nguyễn Thanh

P2mượn của gia đình nhưng không phải là phương tiện liên quan trực tiếp đến vụ án.

- Đề nghị trả 01 xe mô tô biển số 63B7-146.26 do Lý Anh T5, sinh năm 1977, cư trú ấp số 62/5A T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Do xe này H1 mượn đi công chuyện nhưng anh T5 không biết H1 sử dụng để phạm phương tiện gây án.

- Tạm giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang tạm quản lý số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 000694 ngày 02/5/2018 để thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật

* Tại phiên tòa các luật sư có ý kiến:

- **Luật sư bào chữa cho bị cáo D và bị cáo H** cho rằng tại phiên Tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các trạng, nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo cáo trạng như đã công bố tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, Luật sư không tranh luận về tội danh.

Luật sư chỉ nêu lên một số tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo D và bị cáo H để Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình phạt.

-Bị cáo D: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, bị cáo bị mù chữ, bị cáo phạm tội ở lứa tuổi chưa thành niên, thuộc thành phần lao động nghèo

- Bị cáo H: Trong vụ án này bị cáo chỉ giữ vai trò là người giúp sức, bị cáo phạm tội ở lứa tuổi chưa thành niên, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, gia đình bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả cho bị hại

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho 02 bị cáo khi lượng hình phạt.

- **Luật sư bào chữa cho bị cáo P và bị cáo D1:** Tại phiên Tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các trạng, nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo cáo trạng như đã công bố tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Luật sư không tranh luận về tội danh.

- Bị cáo P: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ văn hóa thấp

- Bị cáo D1: Trong vụ án này bị cáo chỉ giữ vai trò là người giúp sức, bị cáo phạm tội ở lứa tuổi chưa thành niên, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, gia đình bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả cho bị hại

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho 02 bị cáo khi lượng hình phạt.

- **Luật sư bào chữa cho bị cáo K:** Tại phiên Tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các trạng, nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo cáo trạng như đã công bố tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội nên Luật sư không tranh luận về tội danh.

Trong vụ án này bị cáo chỉ giữ vai trò là người giúp sức, bị cáo bị rủ rê lôi kéo, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, gia đình bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo bị mồ côi cả cha lẫn mẹ nên thiếu sự chăm sóc của cha mẹ

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình phạt.

* Ý kiến của người tham gia tố tụng khác:

Đại diện hợp pháp của bị hại P (chết), đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý các bị cáo nghiêm minh theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận, để giải quyết mâu thuẫn với nhau giữa hai nhóm thanh niên phường 7 và phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên các bị cáo đã chuẩn bị hung khí là dao tự chế, búa, chai nước ngọt và rủ nhau đi đến 02 điểm game bắn cá của nhóm thanh niên phường 7 để chém người và đập phá tài sản. Khi xuất phát đi chém người và đập phá tài sản của nhóm thanh niên phường 7,

- Thái Hoàng Minh H điều khiển xe mô tô biển số 63 B9 – 496.10, chở Lê Minh D.

- Lê Văn D1 điều khiển xe mô tô biển số 63B9 – 709.33, chở Dương Ngọc P

Khi đi D và P đều mang theo dao, khi vừa đến nơi gây án thì D và P đã xông vào điểm bắn cá cầm dao tự chế sắc bén chém chết anh Nguyễn Lữ Tiến P, trong lúc D và P chém anh P thì A dùng dao đập phá máy bắn cá.

- Ngô Hoàng K điều khiển xe mô tô biển số 63B7 – 146.26, chở Phạm Văn H1 sử dụng dao tự chế sắc bén chém anh Lê Thành Egây thương tích 10%. Lúc này A cũng dùng dao đập phá máy bắn cá

- Nguyễn Duy K điều khiển xe mô tô biển số 63B9- 736.50, chở Nguyễn Thanh Vũ A đập 04 máy bắn cá với tổng giá trị tài sản là 40.954.000đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các trạng, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử đã kiểm tra, đánh giá và làm rõ

căn kẻ từng chi tiết, diễn biến vụ án cơ bản là đúng như cáo trạng đã nêu. Từ đó cho thấy đã có đủ căn cứ quy kết:

- Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Hành vi phạm tội của bị cáo Thái Hoàng Minh H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn H1 và bị cáo Ngô Hoàng K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a,i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Vũ Thanh A và bị cáo Nguyễn Duy K đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự an toàn xã hội, các bị cáo đã chuẩn bị hung khí rủ rê lôi kéo đồng bọn kéo đến nơi gây án. Khi đến nơi thì bất phân phải trái sử dụng dao tự chế sắc bén xông vào chém người ngay và đập phá tài sản, bất chấp cho hậu quả xảy ra. Tuy nhiên đây là một vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, bởi các bị cáo không có lập kế hoạch, không có phân công nhiệm vụ, không có sự câu kết chặt chẽ mà chỉ cùng nhau đi đến nơi gây án rồi mạnh ai nấy thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xem xét tính chất mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò trong vụ án, nhân thân của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt cho tương xứng, phù hợp với quy định của pháp luật

*** Bị cáo Lê Minh D:** Bị cáo chính là người chủ mưu, rủ rê lôi kéo các bị cáo khác vào con đường phạm tội, bị cáo cũng là người thực hành, bị cáo là người chuẩn bị hung khí như: 06 con dao tự chế, 07 cái búa, 10 chai nước ngọt, băng keo để dán băng số xe, bị cáo phát động hành vi tội phạm dẫn đến hậu quả chết người xảy ra sau đó, gây thương tích, gây thiệt hại về tài sản cho người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc để đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo, bị cáo là người trực tiếp chém chết anh P, khi sử dụng dao gây án thì hành động dứt khoát, quyết liệt đâm vào vùng nguy hiểm nhất trên cơ thể con, tất cả cho thấy tính côn đồ và ý thức bất chấp xem thường pháp luật của bị cáo là rất cao, bị cáo còn kêu gọi các bị cáo khác đập phá tài sản của người khác. Nếu như bị cáo là người đã trưởng thành thì mức án phải cao hơn các bị cáo khác. Nhưng do bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa

thành niên, lại không biết chữ, nên phần nào nhận thức bị hạn chế. Do vậy khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo phần nào mức hình phạt.

- Về tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Lê Minh D: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, bị cáo bị mù chữ nên nhận thức sẽ bị hạn chế phần nào. Vì vậy căn cứ vào điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xem đây là các tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*** Bị cáo Dương Ngọc P:** Bị cáo là người đã thành niên nhưng khi bị cáo D rủ rê lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không ngăn cản mà lại tham gia một cách tích cực, sau khi bị cáo D chém anh P 02 nhát vào đầu, một nhát vào tay trái, 02 nhát vào đầu gối phải, trong lúc anh P bị thương tích không còn khả năng chống đỡ thì bị cáo lại dung dao tự chế sắc bén chém đứt lìa 1/3 giữa cẳng tay phải của anh P, hậu quả xảy ra anh P chết và bị cáo cũng đã giúp sức cho bị cáo A đập phá 02 máy bắn cá của anh M. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực rất quyết liệt mặc cho hậu quả xảy ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như : Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội. Vì vậy cần áp dụng điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 xem đây là tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

*** Bị cáo Lê Văn D1:** Bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức cho bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc làm của bị cáo P là rất nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo không ngăn cản và từ chối mà lại hưởng ứng theo, bất chấp cho hậu quả xảy ra, hậu quả xảy ra là chết người và gây thiệt hại về tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc, tuy nhiên do khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên phần nào nhận thức bị hạn chế. Do vậy khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo phần nào mức hình phạt.

- Về tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo D1: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên phần nào nhận thức sẽ bị hạn chế phần nào, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục được một phần hậu quả. Vì vậy căn cứ vào điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xem đây là các tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*** Bị cáo Thái Hoàng Minh H:** Bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức cho bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc của các bị cáo khác là rất nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo không ngăn cản và từ chối mà lại hưởng ứng theo, bất chấp cho hậu quả xảy ra, hậu quả xảy ra là chết người và gây thiệt hại về tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc, tuy nhiên do khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên phần nào nhận thức bị hạn chế. Do vậy khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo phần nào mức hình phạt.

- Về tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo H: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên phần nào nhận thức sẽ bị hạn chế phần nào, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục được một phần hậu quả. Vì vậy căn cứ vào điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xem đây là các tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*** Bị cáo Phạm Văn H1:** Bị cáo là người đã thành niên nhưng khi bị cáo D rủ rê lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không ngăn cản mà lại tham gia một cách tích cực, bị cáo dùng dao chém anh Lê Thanh E gây thương tích với tỉ lệ 10% đồng thời giúp sức cho các bị cáo khác đập phá tài sản của anh Quý. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như : Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự 03 lần, bị cáo thật thà khai báo nhận tội. Vì vậy cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 xem đây là tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

*** Bị cáo Ngô Hoàng K:** Bị cáo là người đã thành niên nhưng khi bị cáo D rủ rê lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không ngăn cản mà lại giúp sức cho bị cáo H1 dùng dao chém anh Lê Thanh E gây thương tích với tỉ lệ 10% đồng thời giúp sức cho các bị cáo khác đập phá tài sản của anh Q. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như : Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Vì vậy cần áp dụng điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 xem đây là tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

*** Bị cáo Nguyễn Thanh Vũ A:** Bị cáo là người đã thành niên nhưng khi bị cáo D rủ rê lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không ngăn cản mà lại tham gia một cách tích cực, dùng dao đập phá tài sản là 04 máy bắn cá gây thiệt hại với tổng giá trị tài sản là 40.954.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như : Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Vì vậy cần áp dụng điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 xem đây là tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

*** Bị cáo Nguyễn Duy K:** Bị cáo là người đã thành niên nhưng khi bị cáo D rủ rê lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không ngăn cản mà lại giúp sức cho bị cáo A, dùng dao đập phá tài sản là 04 máy bắn cá gây thiệt hại với tổng giá trị tài sản là 40.954.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như : Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thật thà khai báo nhận tội, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Vì vậy cần áp dụng điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 xem

đây là tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại Nguyễn Lữ Tiến P (chết) người đại diện hợp pháp cho bị hại P:

* Bà Lữ Thị H2 (mẹ ruột bị hại) yêu cầu các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 (cha mẹ bị cáo D1) Thái Hoàng Minh H (cha mẹ bị cáo H) có nghĩa vụ bồi thường cho bà các khoản sau:

- + Tiền mai táng 86.500.000 đồng;
- + Tiền tổn thất tinh thần 120.000.000 đồng;
- + Tiền cấp dưỡng nuôi vợ chồng bà là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng tất cả các khoản tiền trên là 226.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà H2 cụ thể :

- Bị cáo D phải bồi thường cho bà H2 là 56.625.000 đồng;
- Bị cáo P phải bồi thường cho bà H2 là 56.625.000 đồng;
- Bị cáo H và (cha mẹ bị cáo H là ông T, bà C) phải bồi thường cho bà H2 là 56.625.000 đồng;
- Bị cáo D1 và (cha mẹ bị cáo D1 là ông B, bà N) phải bồi thường cho bà H2 là 56.625.000 đồng;

+ Tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương Anh, sinh ngày 07-4-2006 là con ruột bị hại, sau khi bị hại chết, hiện nay bà là người đang trực tiếp nuôi cháu Anh, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nào cháu Anh tròn 18 tuổi. Buộc các bị cáo các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 (cha mẹ bị cáo D1) Thái Hoàng Minh H (cha mẹ bị cáo H) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Anh hàng tháng là 650.000 đồng cho bà H2, cho đến khi cháu Anh tròn 18 tuổi cụ thể hàng tháng các bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng như sau:

- Bị cáo D phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3 cho bà H2 mỗi tháng là 162.500 đồng;
- Bị cáo P phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3 cho bà H2 mỗi tháng là 162.500 đồng;
- Bị cáo H và (cha mẹ bị cáo H là ông T, bà C) phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3 cho bà H2 mỗi tháng là 162.500 đồng;
- Bị cáo D1 và (cha mẹ bị cáo D1 là ông B, bà N) phải cấp D1 ưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương Anh cho bà H2 mỗi tháng là 162.500 đồng;

Xét yêu cầu nói trên của bà H2 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Chị Nguyễn Thị Kiều S (vợ bị hại) chỉ yêu cầu các bị cáo cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 (cha mẹ bị cáo D1) Thái Hoàng Minh H (cha mẹ bị cáo H) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 21-10-2012, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nào cháu Dũng tròn 18 tuổi. Buộc các bị cáo các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 (cha mẹ bị cáo D1) Thái Hoàng Minh H (cha mẹ bị cáo H) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dũng hàng tháng là 650.000đồng cho chị S, cho đến khi cháu Dũng tròn 18 tuổi cụ thể hàng tháng các bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng như sau :

- Bị cáo D phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2 cho chị S mỗi tháng là 162.500 đồng;

- Bị cáo P phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2 cho chị S mỗi tháng là 162.500 đồng;

- Bị cáo H và (cha mẹ bị cáo H là ông T, bà C) phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến Dũng cho chị S mỗi tháng là 162.500 đồng;

- Bị cáo D1 và (cha mẹ bị cáo D1 là ông B, bà N) phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2 cho chị S mỗi tháng là 162.500 đồng

Xét yêu cầu nói trên của chị S là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên :

- Tịch thu tiêu hủy 06 con dao tự chế và 07 cái búa, theo biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 02-5-2018, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tịch thu sung công quỹ 03 xe mô tô khi án có hiệu lực pháp luật, gồm:

+ Một xe mô tô hiệu Luviat màu trắng biển số: 63B9-709.33 do Lê Văn D1, sinh năm 2000, cư trú số 71/9A N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ Một xe mô tô biển số 63B9-496.10 do Trần Thị Cẩm G1, sinh năm 1995, cư trú số 328 X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ Một xe mô tô biển số 52T5 -9930 do Lê Hoàng Anh G4, sinh năm 2000, cư trú số 10/9 H, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đang sử dụng, không có giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Trả 01 xe mô tô biển số 63B7-146.26 cho anh Lý Anh T5, sinh năm 1977, cư trú ấp số 62/5A T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tạm giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang tạm quản lý số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 000694 ngày 02/5/2018 để thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật.

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02-5-2018 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Tiền Giang và cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang).

[5] Xét đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo : Như đã nhận định ở phần trên. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của các luật sư

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Thái Hoàng Minh H phạm tội “Giết người”.

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Phạm Văn H1, Ngô Hoàng K phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Thanh Vũ A, Nguyễn Duy K phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

*** Áp dụng và xử phạt:**

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; Điều 20; điểm a khoản 1 Điều 50; Điều 53; Điều 69; Điều 70; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Lê Minh D 18 (mười tám)** năm tù về tội “ Giết người” và **02 (hai)** năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội bị cáo phải chấp hành là **18 (mười tám)** năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24-01-2017.

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; Điều 20; điểm a khoản 1 Điều 50; Điều 53; Điều 69; Điều 70; điểm b,p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Lê Văn D1 10 (mười)** năm tù về tội “ Giết người” và **02 (hai)** năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội bị cáo phải chấp hành là **12 (mười hai)** năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24-01-2017.

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; Điều 20; Điều 53; Điều 69; Điều 70; điểm b,p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Thái Hoàng Minh H 09 (chín)** năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24-01-2017.

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; Điều 20; điểm a khoản 1 Điều 50; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Dương Ngọc P 19 (mười chín)** năm tù về tội “ Giết người” và **02 (hai)** năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội bị cáo phải chấp hành là **21 (hai mươi mốt)** năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24-01-2017.

- Áp dụng: điểm a, i khoản 1 Điều 104; Điều 20; điểm a khoản 1 Điều 50; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46, ; Điều 33 Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

-Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Phạm Văn H1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “ Cố ý gây thương tích” và **02 (hai)** năm tù về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản.” Tổng hợp hình phạt của cả hai tội bị cáo phải chấp hành là **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24-01-2017.

- Áp dụng: điểm a, i khoản 1 Điều 104; Điều 20; điểm a khoản 1 Điều 50; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

*** Xử phạt:** Bị cáo **Ngô Hoàng K 02 (hai) năm** tù về tội “ Cố ý gây thương tích” và **01 (một) năm 06 tháng** tù về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản.” Tổng hợp hình phạt của cả hai tội bị cáo phải chấp hành là **03(năm) 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24-01-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

*** Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Vũ Thanh A 03 (ba) năm** tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 01- 3-2017.

-Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

*** Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Duy K 02 (hai) năm** tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 15- 3-2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 586; 591 Bộ luật Dân sự năm:

* Buộc các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 và (cha mẹ bị cáo D1 là ông B và bà N), Thái Hoàng Minh H và (cha mẹ bị cáo H là ông T, bà C) liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho bà H2 các khoản tiền sau:

- + Tiền mai táng 86.500.000 đồng;
- + Tiền tổn thất tinh thần 120.000.000 đồng;
- + Tiền cấp dưỡng nuôi vợ chồng bà là 20.000.000đồng

Tổng cộng tất cả các khoản tiền trên là 226.500.000đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà H2 cụ thể:

- Bị cáo D phải bồi thường cho bà H2 là 56.625.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo P phải bồi thường cho bà H2 là 56.625.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo H và (cha mẹ bị cáo H là ông T, bà C) phải bồi thường cho bà H2 là 56.625.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo D1 và (cha mẹ bị cáo D1 là ông B, bà N) phải bồi thường cho bà H2 là 56.625.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật

+ Về tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3, sinh ngày 07-4-2006: Buộc các bị cáo các bị cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 (cha mẹ bị cáo D1) Thái Hoàng Minh H (cha mẹ bị cáo H) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3 sinh ngày 07-4-2006 hàng tháng là 650.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi cháu Anh tròn 18 tuổi, bà H2 là người được nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu X3, cụ thể hàng tháng các bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng như sau:

- Bị cáo D phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3 cho bà H2 mỗi tháng là 162.500 đồng.

- Bị cáo P phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3 cho bà H2 mỗi tháng là 162.500 đồng.

- Bị cáo H và (cha mẹ bị cáo H là ông T, bà C) phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3 cho bà H2 mỗi tháng là 162.500 đồng.

- Bị cáo D1 và (cha mẹ bị cáo D1 là ông B, bà N) phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lữ Phương X3 cho bà H2 mỗi tháng là 162.500 đồng.

Các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Anh cho bà H2 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Anh tròn 18 tuổi.

* Buộc các bị cáo cáo Lê Minh D, Dương Ngọc P, Lê Văn D1 và (cha mẹ bị cáo D1 là ông B, bà N), Thái Hoàng Minh H và (cha mẹ bị cáo H là ông T, bà C) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2, sinh ngày 21/10/2012 hàng tháng là 650.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi cháu X2 tròn 18 tuổi, chị S là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu Dũng, cụ thể hàng tháng các bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng như sau:

- Bị cáo D phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2 cho chị S mỗi tháng là 162.500 đồng;

- Bị cáo P phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2 cho chị S mỗi tháng là 162.500 đồng;

- Bị cáo H (cha mẹ bị cáo H là ông T, bà C) phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2 cho chị S mỗi tháng là 162.500 đồng;

- Bị cáo D1 (cha mẹ bị cáo D1 là ông B, bà N) phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến X2 cho chị S mỗi tháng là 162.500 đồng;

Các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu X2 cho chị S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Dũng tròn 18 tuổi.

* Bị hại Lê Thành E không yêu cầu bị cáo H1 và bị cáo K bồi thường thiệt hại nên không xét đến.

* Bị hại Hoàng Thiện M không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh Vũ A và bị cáo Nguyễn Duy K bồi thường. Do vậy không xét đến.

* Buộc bị cáo A và bị cáo K hải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Quý là 20.137.000 đồng cụ thể:

- Bị cáo A phải bồi thường cho anh Q là 10.068.500 (Mười triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng).

- Bị cáo K phải bồi thường cho anh Q là 10.068.500 (Mười triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng). Gia đình bị cáo K đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

Các bị cáo phải bồi thường cho anh Q khi án có hiệu lực pháp luật.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 06 con dao tự chế và 07 cái búa, theo biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 02-5-2018, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tịch thu sung công quỹ 03 xe mô tô khi án có hiệu lực pháp luật, gồm:

- + Một xe mô tô hiệu Luviat màu trắng biển số: 63B9-709.33 do Lê Văn D1, sinh năm 2000, cư trú số 71/9A N, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

- + Một xe mô tô biển số 63B9-496.10 do Trần Thị Cẩm G1, sinh năm 1995, cư trú số 328 X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

- + Một xe mô tô biển số 52T5 -9930 do Lê Hoàng Anh G4, sinh năm 2000, cư trú số 10/9 H, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đang sử dụng, không có giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Trả 01 xe mô tô biển số 63B7-146.26 cho anh Lý Anh T5, sinh năm 1977, cư trú ấp số 62/5A T, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tạm giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang tạm quản lý số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 000694 ngày 02-5-2018 để thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật.

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02-5-2018 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Tiền Giang và Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang).

Kể từ ngày bà H2, chị S, anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, mà các bị cáo chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu thêm khoảng tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 LTHADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 LTHADS, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 LTHADS”

Về án phí:

- **Án phí hình sự sơ thẩm:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bị cáo D phải chịu là 2.839.375 đồng;

- Bị cáo P phải chịu là 2.839.375 đồng;
- Bị cáo H (cha mẹ bị cáo H) phải chịu là 2.839.375 đồng;
- Bị cáo D1 (cha mẹ bị cáo D1) phải chịu là 2.839.375 đồng;
- Bị cáo H phải chịu là 503.425 đồng;
- Bị cáo K phải chịu là 503.425 đồng.

Các bị cáo, đại diện người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày nhận được bản án (hoặc tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CA tỉnh TG;
- Bộ phận thi hành án phạt tù;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Thu Hằng